



**VNT Logistics**

The best logistics solutions

**VNT LOGISTICS**

No.2 Bich Cau Street, Dong Da District, Hanoi, Viet nam

Tel: (84.4) 3732 1090 - Fax: (84.4) 3732 1083

[www.vntlogistics.com](http://www.vntlogistics.com)

ANNUAL REPORT 2014

**VNT Logistics**

The best logistics solutions



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CP GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

**VNT LOGISTICS**

**2014**

ANNUAL REPORT 2014



## **> MỤC LỤC**

<b>THÔNG ĐIỆP</b>	<b>3</b>
Thông điệp của chủ tịch HĐQT	
<b>GIỚI THIỆU CÔNG TY</b>	<b>4</b>
Lịch sử phát triển	
<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014</b>	<b>10</b>
Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2014	11
Báo cáo của Tổng Giám đốc	18
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty	20
Quản trị công ty	22
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b>	<b>25</b>
Báo cáo kiểm toán	26
Bản cân đối kế toán hợp nhất	28
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	35

## > THÔNGIỆP CỦA HĐQT



### Thưa Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và các Đối tác!

Năm 2014 vừa qua được đánh giá là một năm kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn thử thách, trong bối cảnh thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Bên cạnh đó là những bất ổn bên ngoài có nhiều ảnh hưởng đến kinh tế Việt nam. Ngoài ra ngành Logistics ngày càng chịu sự cạnh tranh quyết liệt của nước ngoài và các doanh nghiệp logistics trong nước mọc lên như nấm sau mưa.

Tuy nhiên bằng sự quyết tâm của tập thể CB CNV và sự ủng hộ quý báu của các Quý vị Cổ đông, các khách hàng, đối tác và các cơ quan hữu quan, trong năm 2014 công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương đã vượt qua những khó khăn và đạt được kết quả kinh doanh cao, hoàn thành kế hoạch vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh do ĐHĐCĐ thường niên 2014 đề ra, kết quả kinh doanh năm 2014 có tăng trưởng rất tốt so với năm 2013.

Bước sang năm 2015, với dự báo mang tính khả quan về nền kinh tế Việt nam của các chuyên gia trong và ngoài nước, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB CNV VNT logistics quyết tâm phấn đấu ổn định và phát triển kinh doanh, tìm kiếm các dự án khả thi để đầu tư, nâng cao năng suất lao động, cắt giảm chi phí, đạt được các chỉ tiêu tăng trưởng đề ra, mang lại lợi ích cho các bên, đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

Tôi tin tưởng rằng với sự ủng hộ mạnh mẽ của Quý vị Khách hàng, quý vị Cổ đông và các Đối tác, công ty VNTLogistics sẽ không ngừng tăng trưởng phát triển mạnh mẽ đem lại những giá trị cao cho các khoản đầu tư của Cổ đông và gia tăng lợi ích của Quý khách hàng, đối tác.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn tới các cơ quan hữu quan của Nhà nước, các Cổ đông, Quý khách hàng và các nhà cung cấp đã tin tưởng, chia sẻ và hợp tác để VNTLogistics ngày càng phát triển, thịnh vượng.

Kính Chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!

Chủ tịch HĐQT  
(Đã ký)

Nguyễn Xuân Giang

## ➤ GIỚI THIỆU CÔNG TY



### THÔNG TIN CHUNG

### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	: Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương
Tên tiếng anh	: The Van cargoes and Foreign trade logistics joint stcok company.
Tên giao dịch	: VNT LOGISTICS
Mã chứng khoán	: VNT
Người đại diện pháp luật	: Ông Nguyễn Xuân Giang - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Trụ sở chính	: Số 2 Bích câu, quận Đống Đa, thành phố Hà nội ĐT: (84-4) 37321 090- Fax: (84-4) 37321 083 Email: inf@vntlogistics.com Website: www.vntlogistics.com
Vốn điều lệ	: 54.720.000.000 VNĐ
Vốn thực góp	: 54.720.000.000 VNĐ

### CHI NHÁNH CÔNG TY

**Hải Phòng:**  
208 đường chùa Vẽ,  
P.Đông Hải 1, Q.Hải An,  
Tp.Hải phòng  
ĐT: (84.31) 3765 819  
Fax: (84.31) 3765 820  
Email: hph@vnthp.com.vn

**Quảng Ninh:**  
Số 1 đường Cái Lân,  
Tp.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

**Công ty con Hanotrans tại:**  
**Hà nội:** Số 2 Bích câu,  
Quận Đống Đa, Hà nội  
ĐT: (84.4) 37322 542  
Fax: (84.4) 37322 895  
Email: inf@hanotrans.com.vn  
Website: www.hanotrans.com.vn

**Hải phòng:** Bãi VNT,  
đường Đình Vũ, Đông Hải 2,  
Quận Hải An, Tp.Hải phòng  
ĐT: (84.31) 3978 169  
Fax: (84.31) 3978 798

**Tp.Hồ chí minh:**  
207 Nguyễn Văn Trỗi, P.10,  
Quận Phú nhuận, Tp.Hồ Chí Minh  
ĐT: (84.8) 3997 1099  
Fax: (84.8) 3997 1058

**Depot VNTLogistics tại:**  
Đường Đình Vũ, Đông Hải 2,  
Quận Hải An, Tp.Hải phòng  
Tel: (84.31) 3978 169  
Fax: (84.31) 3978 798

### QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG TY

Tháng 6/1996: Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh (Vinatrans) thành lập chi nhánh tại Hà Nội - Vinatrans Hà Nội.

Tháng 4/2003 Cổ phần hóa chi nhánh Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Giao nhận vận tải ngoại thương - Vinatrans Hà Nội.

Năm 2006 VNT Logistics kỷ niệm 10 năm thành lập và vinh dự đón nhận huân chương lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng do các thành tích kinh doanh xuất sắc.

Tháng 8/2009 chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tháng 5/2011 thay đổi thương hiệu nhận diện mới từ VINATRANS HA NOI sang VNT Logistics.

### NHỮNG THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

Năm Thành tích đạt được

- 2001 Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”  
Bằng khen của Bộ Thương Mại
- 2002 Bằng khen của Bộ Thương Mại  
Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ  
Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
- 2003 Bằng khen của Bộ Thương Mại  
Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
- 2004 Bằng khen của Bộ Thương Mại  
Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Thương Mại  
Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
- 2005 Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”
- 2006 Huân chương lao động hạng 3
- 2007 Bằng khen của Bộ Thương Mại

## ➤ GIỚI THIỆU CÔNG TY

### QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY

Năm	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Mức tăng vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn (Tỷ đồng)
2003	12	-	-
2004	12	-	-
2005	24	12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100%
2006	24	-	-
2007	54,72	30,72	Phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 70% Phát hành cho cổ đông hiện hữu với lệ 2:1 Phát hành cho CBCNV có đóng góp đến sự phát triển của Công ty Phát hành cho đối tác chiến lược của Công ty

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

**Bốc xếp hàng hóa:** Xếp hàng hóa hoặc hành lý của hành khách lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển.

**Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:** Đường Thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống.

#### Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:

- Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng xuất nhập khẩu.
- Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước.
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài.
- Đại lý tàu biển.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đa phương thức.
- Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hóa xuất nhập khẩu).

**Đại lý, môi giới, đấu giá:** Môi giới hàng hải.

**Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp:** Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại.



**Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại:** Tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa.

**Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu:** Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu.

**Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê:** Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi.

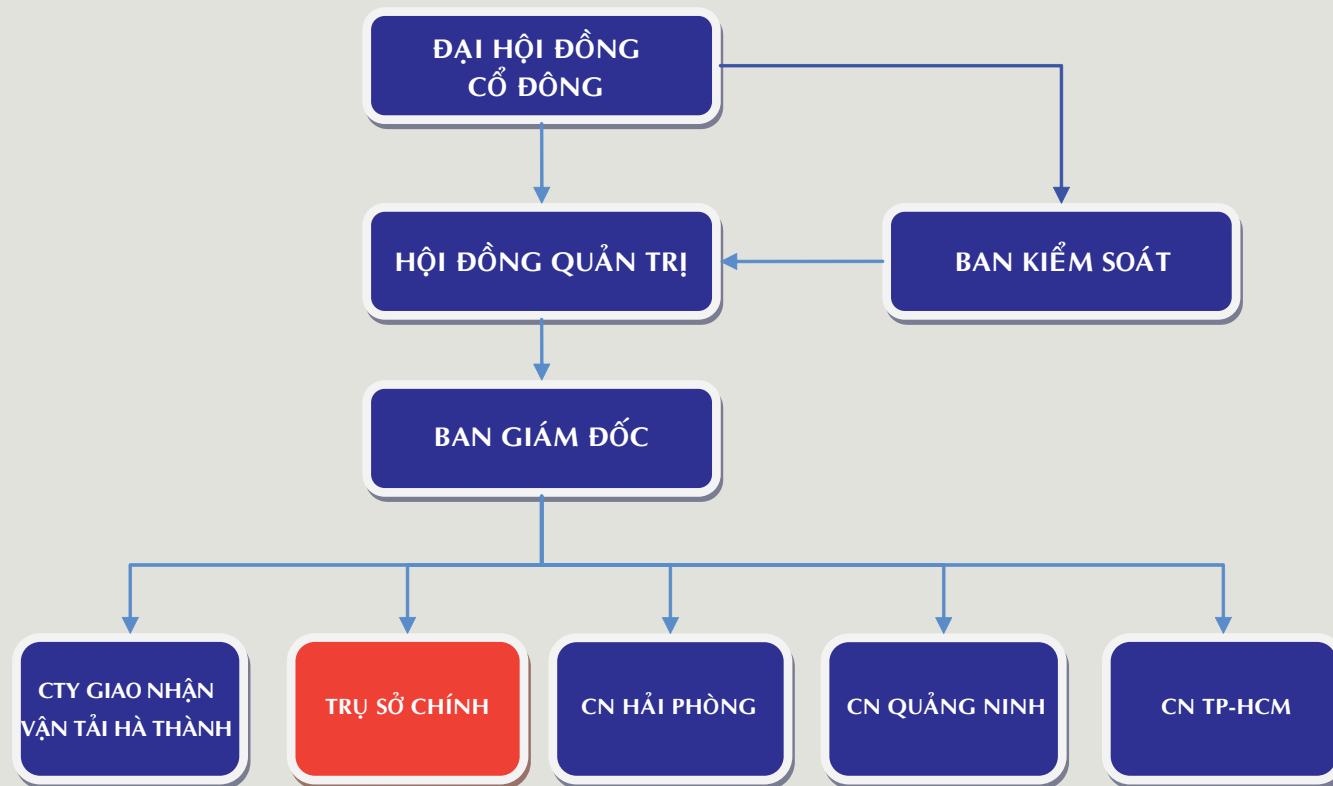
#### Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh
- Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu
- Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải
- Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh

Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật.

## ➤ GIỚI THIỆU CÔNG TY

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,  
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



### ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tiếp nối năm 2014 với những kết quả nhất định đã đạt được trong việc giữ vững các mảng dịch vụ hàng không và đường biển, với việc xây dựng được các phòng ban chuyên nghiệp làm chứng từ như phòng Customer Services và phòng Logistics, sự phát triển của phòng Hàng không xuất mặc dù kinh tế năm 2014 có nhiều rủi ro, sang năm 2015 Công ty tiếp tục giữ vững và phát triển các mảng này. Cùng với đó, Công ty có định hướng mở rộng mạng lưới đại lý, tìm kiếm các đối tác chiến lược để hợp tác kinh doanh trong năm 2015, tăng vốn để mở rộng đầu tư cầu cảng, kho bãi.

#### Các rủi ro:

Sau mức tăng trưởng GDP 5.98% năm 2014, Việt nam bước vào năm 2015 với niềm lạc quan lớn về khả năng tăng trưởng cao hơn. Cùng với đó là sự tăng trưởng của kinh tế Mỹ và giá dầu giảm có tác động tích cực đến kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt nam nói riêng. Tuy nhiên sự bất ổn bên ngoài như các dự báo về Thời tiết cực đoan, xung đột quốc tế, các bất ổn ở biển Đông hay sự suy giảm kinh tế của khối tiền tệ đồng tiền chung châu Âu...sẽ có các tác động rủi ro, thách thức đối với kinh tế Việt nam, các doanh nghiệp nên cân nhắc để điều chỉnh chiến lược hoạt động trước những diễn biến trái chiều ở các đối tác thương mại lớn của Việt nam.

## ➤ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

### 01. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2014 khép lại với kết quả khá khả quan, hầu hết các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu đều hoàn thành kế hoạch đã đề ra từ đầu năm, mặc dù nền kinh tế VN nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

**Chỉ tiêu tài chính, lợi nhuận của công ty mẹ:**

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2014	TH 2014	% (TH// KH)
1	Doanh thu	tỷ	400	505,6	126.4%
2	Lợi nhuận trước thuế	tỷ	25	37,39	149.56%

### 02. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ngoài ra có các Phó Tổng Giám đốc phụ trách các mảng công việc theo phân công của Tổng Giám đốc

**Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Ông Nguyễn Xuân Giang	Tổng Giám Đốc
02	Ông Trần Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

**Quản lý khác:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Bà Đỗ Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng
02	Ông Tăng Anh Quốc	Giám đốc công ty con

### TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NHƯ SAU:

#### Ông Nguyễn Xuân Giang

Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 16/02/1969  
 Nơi sinh : Hải phòng  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Sơn Tây, Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú : Số 19 lô C19, Khu tập thể Thủy tinh, Ngô Quyền, Hải phòng  
 Số ĐT cơ quan : 031. 3765 820  
 Trình độ học vấn : Kỹ sư Hàng hải  
 Quá trình công tác : Từ 4/1999 đến 4/2003: Công tác tại công ty Vinatrans - chi nhánh Hải phòng - giữ chức Phó giám đốc chi nhánh cHải phòng  
 - Từ 5/2003 đến 12/2007: công tác tại Công ty Vinatrans Hà nội - chi nhánh Hải phòng- giữ chức Giám đốc chi nhánh Hải phòng  
 - Từ 1/2008 đến T5/2013: giữ chức Phó tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hải phòng  
 Từ T5/2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty  
 Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT công ty VNT Logistics  
 Tổng Giám đốc công ty VNT Logistics  
 Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 53.800

#### Ông Trần Công Thành

Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 24/01/1976  
 Nơi sinh : Bắc Ninh  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Bắc Ninh  
 Địa chỉ thường trú : Số 8, ngõ 165 Chùa Bộc, Đống Đa, Hà nội  
 Số ĐT cơ quan : 04. 37321 090  
 Trình độ học vấn : Cử nhân Tài chính- Kế toán  
 Quá trình công tác : - Từ 1996 đến 2003: Kế toán trưởng chi nhánh Công ty VNT Logistics  
 - Từ 2003 đến 2008: Kế toán trưởng công ty VNT Logistics  
 - Từ 2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc công ty VNT Logistics.  
 Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc công ty VNT Logistics  
 Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 39.200

**Tổng số cán bộ, nhân viên trong công ty là: 345 người.**

## ➤ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

### Chính sách đối với người lao động trong công ty:

**a. Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động, thực hiện dưới các hình thức sau:**

#### Chế độ làm việc

- Công ty thực hiện chế độ 5 ngày rưỡi làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Công ty và nhân viên có thể thỏa thuận về việc làm thêm giờ và số giờ làm thêm này sẽ được tính cho người lao động là từ 150% đến 300% của mức lương làm việc thông thường.
- Đối với nhân viên theo chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ, Công ty sẽ giảm 1 giờ làm việc/ngày cho các nhân viên đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng. Trong thời gian nghỉ thai sản, nhân viên vẫn được nhận lương theo các quy định của bảo hiểm xã hội.
- Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/năm. Và cứ mỗi 2 năm làm việc, nhân viên sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

#### Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- VNT Logistics luôn chú trọng xây dựng đội ngũ lao động thông qua các biện pháp thiết thực có hiệu quả. Việc tuyển dụng được thực hiện qua thi tuyển đầu vào và tuyển dụng người theo yêu cầu công việc.
- Công ty luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ công có trình độ cũng như kỹ năng tốt, vì vậy VNT Logistics thường xuyên gửi cán bộ công nhân viên tham gia các khóa học đào tạo của các tổ chức giao nhận IATA, FIATA, VIFAS...các lớp học về quản trị, khoa học quản lý của các trường, viện kinh tế.

#### Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Để đảm bảo thu nhập cho cán bộ công nhân viên của VNT Logistics, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đặc biệt chú trọng đến việc tăng đều đặn doanh thu hàng năm, giảm thiểu những chi phí không cần thiết. Hiện tại, Công ty đã triển khai áp dụng cơ chế khoán lương theo kết quả kinh doanh, trong đó có nhiều yếu tố khuyến khích đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ công nhân viên cốt cán, có năng lực và đã có những cống hiến đáng kể cho hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp tạo nên thu nhập cho Công ty, nâng cao chế độ trách nhiệm cụ thể của mọi chức danh công tác, nhất là đội ngũ cán bộ, chuyên viên nghiệp vụ.
- Trong nhiều năm vừa qua, VNT Logistics đã quan tâm thích đáng đến đời sống cán bộ công nhân viên trong công ty bằng việc nâng cao mức thu nhập, áp dụng chế độ khoán lương theo kết quả kinh doanh tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng định kỳ tổ chức các chuyến du lịch trong và ngoài nước cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua thẻ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho các CBCNV chủ chốt có đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

## 3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

### Các khoản đầu tư lớn:

Công ty năm 2014 hoàn thành dự án Kho Ngoại quan tại Hải phòng, với tổng kinh phí dự án hoàn thành là 27.64 tỷ.

Công ty đang xây dựng Kho CFS tại Hải phòng.

Tìm kiếm các dự án và các đối tác liên doanh liên kết đầu tư.

### Các công ty con, công ty liên kết:

#### Công ty con:

+ Tên công ty : Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hà Thành

+ Tên giao dịch : Hanotrans LTD

+ 02 chi nhánh : tại thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh

+ Tình hình tài chính: Công ty con Hanotrans là công ty 100% vốn đầu tư của công ty mẹ VNT Logistics, với vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ VNĐ và hiện tại vốn điều lệ là 6 tỷ VNĐ.

Công ty con Hanotrans hoạt động kinh doanh theo phương hướng và chỉ đạo thống nhất từ Ban Tổng giám đốc công ty và cũng góp phần đáng kể trong Tổng lợi nhuận của Công ty.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2014
01	Doanh thu	tỷ	255.79
02	Lợi nhuận trước thuế	tỷ	4.81





## ➤ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

### 4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính (hợp nhất):  
ĐVT: triệu VNĐ

Chỉ tiêu Năm	2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	264.464	273.891	103.57
Doanh thu thuần	619.350	702.619	113.45
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	29.799	39.401	132.23
Lợi nhuận khác	5.936	(0.58)	
Lợi nhuận trước thuế	35.735	38.819	108.63
Lợi nhuận sau thuế	27.041	28.484	105.34
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20	20	

### Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (hợp nhất):

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1.37	1.32	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	1.37	1.32	Không có hàng tồn kho
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.58 1.37	0.57 1.31	
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho + Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2.34	2.57	Không có
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần + Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH + Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản + Hệ số LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	0.04 0.24 0.10 0.05	0.04 0.24 0.10 0.06	

### Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Cổ phiếu	: Tổng số cổ phần đang lưu hành	: 5.416.600
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành	: 10.000 VNĐ/ cổ phần	
Cổ tức đã chi	: 1,000 đ/ cổ phần. Cổ tức trả năm 2014 là	: 2,000 đ/ cổ phần
Cơ cấu cổ đông	: Vốn góp của Nhà nước	: 10.96%
	Vốn góp của các đối tượng khác	: 89.04%

## ➤ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2014

### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

#### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện quyền lợi cho các cổ đông, trong năm 2014 HĐQT với 05 thành viên đương nhiệm đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình theo chuẩn mực quản trị của Công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

- Trong năm 2014 Hội đồng quản trị Công ty đã có những phiên họp và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, quyết định những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

+ Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014. Thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2015 để báo cáo ĐHCĐ thông qua trong phiên họp thường niên 2015.

+ Đầu tư, triển khai các dự án: Phê duyệt dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Logistics tại Hải phòng, chỉ đạo tìm kiếm các dự án khả thi để tiến hành đầu tư.

+ Tổ chức thành công phiên họp ĐHCĐ thường niên năm 2014, quyết định tạm ứng cổ tức năm 2014 là 15%

- Hội đồng quản trị chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bộ máy điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong SXKD; tổ chức công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật về chứng khoán; tôn trọng và đảm bảo quyền của cổ đông; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

- Việc kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đúng thẩm quyền, có hiệu lực cao, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban Giám đốc.

#### d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

#### e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

## 2. BAN KIỂM SOÁT:

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

**Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 3 thành viên:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Bà Nguyễn Bích Liên	Trưởng Ban Kiểm soát
02	Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên Ban Kiểm soát
03	Bà Dương Minh Châu	Thành viên Ban Kiểm soát

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, báo cáo kinh doanh, báo cáo quản trị do Ban Tài chính Kế toán, Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị chuẩn bị.

Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.

Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

## 3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức danh	Chi tiết thu nhập	Thu nhập/tháng (tr đ)
01	Nguyễn Xuân Giang	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	6
02	Trần Công Thành	UV HĐQT	Thù lao	5
03	Vũ Thế Đức	UV HĐQT	Thù lao	5
04	Bùi Ngọc Loan	UV HĐQT	Thù lao	5
05	Lương Ngọc Bảo	UV HĐQT	Thù lao	5
06	Nguyễn Xuân Giang	TGD	Lương	45
07	Trần Công Thành	P. TGD	Lương	40
08	Nguyễn Thị Bích Liên	Trưởng BKS	Thù lao	4
09	Dương Minh Châu	Trưởng BKS	Thù lao	0.7
10	Nguyễn Thị Lan Hương	Trưởng BKS	Thù lao	0.7

### b) Giao dịch Cổ phiếu của Cổ đông nội bộ.

### c) Hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ.

### d) Việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định theo pháp luật về Quản trị Công ty.

## ➤ BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 01. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2014

- Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 38.82 tỷ tăng trưởng 8.64 % so với năm 2013 là 35.73 tỷ.
- So với kế hoạch ĐHCĐ giao vượt 55.28 % ( ĐHCĐ giao 25 tỷ).
- Lợi nhuận sau thuế năm 2014 đạt 28.48 tỷ tăng trưởng 5.34% so với năm 2013 là 27.04 tỷ.
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014: 5.258 đồng, 2013: 4.933 đồng
- Cổ tức chia : 15% bằng tiền mặt. Dự kiến trình ĐHCĐ chi bổ sung thêm 5% bằng tiền mặt và 50% bằng cổ phiếu.

### 02. TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2014

Công ty tiếp tục ổn định về mặt nhân sự, tìm kiếm thu hút thêm nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung phát triển các mảng kinh doanh chính và phát triển một số phòng ban mới mở năm 2013. Trong năm 2014 bên cạnh việc duy trì các khách hàng cũ Công ty cũng rất chú trọng tìm kiếm các khách hàng mới, không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng. Đồng thời Công ty cũng tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác với các đối tác như Airlines, Shipping Lines, các nhà cung cấp thuê phụ và hệ thống đại lý toàn cầu, cùng với nâng cao tinh thần phục vụ khách hàng của đội ngũ CBCNV Công ty nhằm đem lại chất lượng phục vụ tốt nhất cho khách hàng

Bên cạnh đó, hệ thống kho Quan ngoại, bãi container đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2014, bước đầu đã có hiệu quả như tính toán khi xây dựng dự án đầu tư.

Chương trình phát hành thêm cổ phiếu cho CB CNV chủ chốt theo chương trình Esop (hoàn thành vào 13/2/2015) đã tạo thêm sự gắn kết của CB CNV chủ chốt với sự phát triển của Công ty.

Trong năm 2014 Ban TGD đã tích cực tìm kiếm, triển khai các dự án đầu tư, tìm kiếm các đối tác để mở rộng quy mô Công ty, nhằm hướng tới việc nâng cao quy mô Công ty và sự phát triển dài hạn cho Công ty.

### 03. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2014 công ty đã có những cải tiến về cơ cấu tổ chức và các chính sách quản lý cho phù hợp với tình hình kinh doanh và phát triển của Công ty.

Cụ thể:

- + Hoàn thiện hệ thống các phòng ban nghiệp vụ về nhân sự quản lý, nhân viên nghiệp vụ chuyên môn từng mảng nghiệp vụ.
- + Tổ chức cho các nhân viên nghiệp vụ đi học thêm và lấy chứng chỉ về chuyên môn nghiệp vụ: Như nghiệp vụ khai thuê Hải quan, Nghiệp vụ về cung cấp dịch vụ giao nhận vận tải cho hàng nguy hiểm...
- + Xây dựng cơ chế lương thưởng cụ thể cho từng kết quả công việc.
- + Triển khai với các bên cung cấp về các phần mềm hỗ trợ nghiệp vụ quản lý và nghiệp vụ chuyên môn.

### 04. PHƯƠNG HƯỚNG KINH DOANH NĂM 2015

01. Giữ vững và phát triển các mảng dịch vụ chính như giao nhận hàng xuất nhập khẩu hàng không, đường biển, dịch vụ gom hàng, dịch vụ nội địa hỗ trợ, dịch vụ đại lý giao nhận vận tải đường biển cho các hãng tàu và các đại lý giao nhận, tiếp tục ổn định và mở rộng các mảng kinh doanh của công ty con Hanotrans.

02. Hoàn thiện hệ thống qui trình nội bộ, kiểm soát nội bộ, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển thương hiệu.

03. Tăng cường đầu tư, mở rộng và khai thác có hiệu quả khu kho bãi Hải phòng. Góp vốn vào các công ty liên kết để xây dựng cơ sở hạ tầng logistics tại Hải phòng.

04. Thu hút nhân tài về làm việc cho công ty.

**Một số chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2015:**

**Căn cứ tình hình thực tế,**

**Công ty đề nghị ĐHCĐ xem xét một số chỉ tiêu kế hoạch 2015 như sau:**

- |                          |               |
|--------------------------|---------------|
| <b>1. Tổng doanh thu</b> | <b>500 tỷ</b> |
| <b>2. Lãi trước thuế</b> | <b>25 tỷ</b>  |
| <b>3. Cổ tức</b>         | <b>15%</b>    |

## ➤ ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 01. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2014 mặc dù Công ty CP GNVT Ngoại thương triển khai nhiệm vụ kinh doanh trong bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn thách thức, cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày càng gay gắt, nhưng cùng với sự cố gắng nỗ lực của toàn thể CB CNV Công ty, sự chia sẻ của Quý Cổ đông, cùng những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo, Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHCĐ thông qua.

Lợi nhuận trước thuế năm 2014 đạt 38.82 tỷ tăng trưởng 8.64 % so với năm 2013 là 35.73 tỷ.

So với kế hoạch ĐHCĐ giao vượt 55.28 % ( ĐHCĐ giao 25 tỷ).

### 02. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Giám đốc công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh. Năm 2013, Ban giám đốc đã tuân thủ đúng định hướng của HĐQT đề ra, thể hiện trách nhiệm cao, năng động và đoàn kết vượt qua những khó khăn, tận dụng hiệu quả những thuận lợi và các nguồn lực để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế, cụ thể như sau:

- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về doanh thu- lợi nhuận do ĐHCĐ 2014 đề ra
- Hoàn thành việc đầu tư dự án kho bãi tại Hải phòng.

### 03. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tăng cường hơn nữa việc hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo sát sao, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty.

Đẩy mạnh hơn nữa công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN XUÂN GIANG



## ➤ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:**



**01. ÔNG NGUYỄN XUÂN GIANG**  
Ủy Viên Hội đồng quản trị

**Từ 4/1999 đến 4/2003:**

công tác tại Công ty Vinatrans – Chi nhánh Hải Phòng – giữ chức Phó Giám Đốc Chi nhánh Hải Phòng.

**Từ 5/2003 đến 12/2007:**

công tác tại Công ty VNT Logistics – Chi nhánh Hải Phòng – giữ chức Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng.

**Từ 4/2009 đến 5/2013:**

Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng kiêm Phó Tổng Giám đốc và Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương

**Từ 5/2013 đến nay:**

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương.



**02. ÔNG TRẦN CÔNG THÀNH**  
Ủy Viên Hội đồng quản trị

**Từ 1996 đến 2003:**

Kế toán trưởng chi nhánh Công ty Vinatrans tại Hà Nội.

**Từ 2003 đến 2008:**

Kế toán trưởng Công ty Vinatrans Hà Nội

**Từ 2008 đến nay:**

Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương.



**03. ÔNG BÙI NGỌC LOAN**  
Ủy Viên Hội đồng quản trị

**Từ năm 1975 đến 2008:** làm việc tại Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương.

Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

**Tháng 4/ 2009 đến nay:**

Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương.



**04. ÔNG VŨ THẾ ĐỨC**  
Ủy Viên Hội đồng quản trị

**Từ năm 1983 đến 1987:**

Làm việc tại Viện dầu khí Việt Nam tại Hà Nội.

**Từ năm 1987 đến nay:**

Làm việc tại Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh-Vinatrans

**Tháng 1 năm 2009 đến nay:**

Tổng Giám đốc Công ty Giao nhận kho vận Ngoại Thương thành phố Hồ Chí Minh-Vinatrans

**Từ tháng 4/ 2009 đến 5/2013:**

Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận vận tải Ngoại thương

**Từ 5/2013 đến nay:**

Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương.



**05. ÔNG LƯƠNG NGỌC BẢO**  
Ủy Viên Hội đồng quản trị

Hiện là Phó tổng Giám đốc công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận ngoại thương Việt nam.



## ➤ **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Số: 12.153/BCKTHN-DTL

Kính gửi: Các Cổ đông \_\_\_\_\_

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0067-2013-026-1

**HUỲNH THỊ NGỌC TRINH**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2124-2013-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>206,167,647,466</b>	<b>210,948,861,846</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>(5.1)</b>	<b>80,039,189,952</b>	<b>110,642,753,737</b>
1. Tiền	111		23,210,965,058	35,176,604,382
2. Các khoản tương đương tiền	112		56,828,224,894	75,466,149,355
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2,896,300,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2,896,300,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>(5.2)</b>	<b>93,581,626,240</b>	<b>71,037,879,609</b>
1. Phải thu khách hàng	131		87,066,295,468	67,572,917,822
2. Trả trước cho người bán	132		7,569,594,631	4,331,420,850
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1,021,884,287	1,353,353,436
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2,076,148,146)	(2,219,812,499)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32,546,831,274</b>	<b>26,371,928,500</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		220,730,532	383,333,333
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		324,237,703	493,309,226
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	32,001,863,039	25,495,285,941

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>67,723,083,903</b>	<b>53,515,750,190</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>53,401,262,901</b>	<b>41,563,023,985</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.4)	48,948,543,448	37,455,212,188
+ Nguyên giá	222		75,807,752,334	58,311,893,406
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26,859,208,886)	(20,856,681,218)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.5)	1,675,331,024	1,954,505,944
+ Nguyên giá	228		3,015,538,786	3,115,538,786
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,340,207,762)	(1,161,032,842)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.6)	2,777,388,429	2,153,305,853
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>(5.7)</b>	<b>9,525,000,000</b>	<b>9,525,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		9,525,000,000	9,525,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4,796,821,002</b>	<b>2,427,726,205</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		926,821,002	707,726,205
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.8)	3,870,000,000	1,720,000,000
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>273,890,731,369</b>	<b>264,464,612,036</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>155,175,964,558</b>	<b>152,997,848,491</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>155,175,964,558</b>	<b>52,997,848,491</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	(5.9)	130,856,192,723	127,659,524,550
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.9)	10,037,427,715	548,880,343
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.10)	5,299,676,477	4,178,610,675
5. Phải trả người lao động	315	(5.11)	4,283,652,366	8,564,581,104
6. Chi phí phải trả	316		714,328,877	2,349,696,718
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.12)	3,984,686,400	8,949,307,185
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	747,247,916
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	(5.13)	<b>118,714,766,811</b>	<b>111,466,763,545</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.13.1)	<b>118,714,766,811</b>	<b>111,466,763,545</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.13.2)	54,720,000,000	54,720,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,029,300,000	1,029,300,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(817,208,082)	(817,208,082)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8,900,293,842	8,900,293,842

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		500,000,000	500,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6,000,000,000	5,000,000,000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(15.3.4)	48,382,381,051	42,134,377,785
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>273,890,731,369</b>	<b>264,464,612,036</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		758,831.30	1,047,403.34
+ JPY		33,000.00	33,000.00
+ EUR		9,009.89	2,479.60
+ SGD		500.00	500.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

ĐỖ THỊ THU HUYỀN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THỊ THU HUYỀN

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN GIANG

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		702,618,881,485	619,350,150,932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	702,618,881,485	619,350,150,932
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	648,146,779,506	581,038,003,626
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54,472,101,979	38,312,147,306
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	10,183,467,185	10,800,338,156
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	1,430,796,167	1,155,166,017
trong đó, chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	23,823,958,604	18,158,315,004
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39,400,814,393	29,799,004,441
11. Thu nhập khác	31		817,116,016	6,494,332,546
12. Chi phí khác	32		1,398,762,856	558,436,697
13. Lợi nhuận khác	40		(581,646,840)	5,935,895,849
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		38,819,167,553	35,734,900,290
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	(6.6)	10,335,020,255	8,694,290,563
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		28,484,147,298	27,040,609,727
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		28,484,147,298	27,040,609,727
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80		5,258	4,993

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ THỊ THU HUYỀN

ĐỖ THỊ THU HUYỀN

NGUYỄN XUÂN GIANG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>01</b>	<b>38,819,167,553</b>	<b>35,734,900,290</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định		02	6,181,702,588	4,618,973,996
Các khoản dự phòng		03	(143,664,353)	(195,262,023)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		04	120,073,714	399,951,219
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		05	(7,250,388,605)	(8,068,263,797)
Chi phí lãi vay		06	-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>08</b>	<b>37,726,890,897</b>	<b>32,490,299,685</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu		09	(25,241,769,701)	29,481,840,077
Tăng, giảm hàng tồn kho		10	-	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11	(5,562,473,619)	(23,918,526,289)
Tăng giảm chi phí trả trước		12	(56,491,996)	(668,231,620)
Tiền lãi vay đã trả		13	-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		14	(9,991,863,855)	(8,135,300,833)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15	600,000,000	1,537,240,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		16	(3,023,410,000)	(5,984,400,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>20</b>	<b>(5,549,118,274)</b>	<b>24,802,921,020</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
<b>1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>				
dài hạn khác		21	(17,243,074,335)	(3,857,962,987)
<b>2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác</b>				
sản dài hạn khác		22	52,727,273	2,727,273
<b>3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác</b>				
các đơn vị khác		23	-	(4,368,300,000)
<b>4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác</b>				
đơn vị khác		24	-	10,410,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		26	-	890,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	7,197,661,332	7,307,226,524
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>30</b>	<b>(9,992,685,730)</b>	<b>10,383,690,810</b>

### III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15,238,324,000)	(10,074,758,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15,238,324,000)	(10,074,758,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	(30,780,128,004)	25,111,853,830
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	110,642,753,737	85,438,006,810
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	76,564,219	92,893,097
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>(5.1) 80,039,189,952</b>	<b>110,642,753,737</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





ĐỖ THỊ THU HUYỀN

ĐỖ THỊ THU HUYỀN

NGUYỄN XUÂN GIANG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1685/2002/QĐ/BTM, ngày 30 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần lần đầu số 0103002086, ngày 07 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 29 tháng 5 năm 2013.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty có Chi nhánh Hải Phòng đặt tại 208 Đường Chùa Vẽ, Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 54.720.000.000 VND.

Công ty có đầu tư vào một công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là “Tập đoàn”)

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 253 nhân viên (31/12/2013: 224 nhân viên).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp hàng hóa hoặc hành lý của khách hàng lên tàu biển hoặc dỡ hàng hóa, hành lý của hành khách từ tàu biển, bốc vác hàng hóa tại cảng biển;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải:
  - + Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
  - + Môi giới thuê và cho thuê tàu cho các chủ hàng và chủ tàu trong và ngoài nước;
  - + Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài;
  - + Đại lý tàu biển;
  - + Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức;
  - + Dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu (thủ tục hải quan, tái chế, bao bì, kiểm kiện hàng hoá xuất nhập khẩu);
- Đại lý, môi giới, đấu giá: môi giới hàng hải;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại: tổ chức hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ:
  - + Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh;
  - + Kinh doanh các dịch vụ về vận tải hàng xuất nhập khẩu
  - + Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải
- Kinh doanh vận tải hàng hóa nội địa và quá cảnh.

### **1.3. Danh sách công ty con được hợp nhất**

Công ty con của Công ty được hợp nhất là Công ty TNHH Giao Nhận Vận Tải Hà Thành (Hanotrans) với các thông tin như sau:

- Quyền biểu quyết của Công ty: 100%
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%
- Địa chỉ: Số 2 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương và báo cáo tài chính công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

### **4.1 Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

### **4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 24 năm
+ Máy móc thiết bị	03 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

#### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất và quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

##### **Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

#### **4.7 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

#### **4.9 Quỹ lương**

Quỹ lương năm 2014 được trích theo Quyết định của Hội đồng quản trị.

#### **4.10 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Tập đoàn đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

#### **4.11 Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận chưa phân phối năm 2013 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05 tháng 04 năm 2014.

#### 4.12 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

#### 4.14 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Cước vận chuyển	0%
+ Phí chứng từ, phí hạ vở, các dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

#### 4.15 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

#### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.16 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	4.179.002.536	1.570.719.167
Tiền gửi ngân hàng	19.031.962.522	33.605.885.215
Các khoản tương đương tiền	56.828.224.894	75.466.149.355
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.039.189.952</b>	<b>110.642.753.737</b>

*Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại ngân hàng.*

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	87.066.295.468	67.572.917.822
Trả trước cho người bán	7.569.594.631	4.331.420.850
Các khoản phải thu khác	1.021.884.287	1.353.353.436
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>95.657.774.386</b>	<b>73.257.692.108</b>
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.076.148.146)	(2.219.812.499)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>93.581.626.240</b>	<b>71.037.879.609</b>

*Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.*

**5.3. Tài sản ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.407.393.039	1.711.525.941
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.594.470.000	23.783.760.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.001.863.039</b>	<b>25.495.285.941</b>

*Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là các khoản ký quỹ bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không và hãng tàu.*

**5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	VND
						Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	25.337.805.533	4.294.838.210	27.952.033.531	727.216.132	-	58.311.893.406
Mua trong năm	120.400.000	907.962.909	9.555.511.661	104.923.320	799.370.000	11.488.167.890
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.719.690.492	-	2.288.000.546	-	-	6.007.691.038
Phân loại lại	-	89.033.045	-	(89.033.045)	-	-
Số dư cuối năm	29.177.896.025	5.291.834.164	39.795.545.738	743.106.407	799.370.000	75.807.752.334
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	3.205.901.664	1.336.692.621	15.787.269.752	526.817.181	-	20.856.681.218
Khấu hao trong năm	1.384.166.973	549.150.072	3.895.955.368	62.228.350	111.026.905	6.002.527.668
Số dư cuối năm	4.590.068.637	1.885.842.693	19.683.225.120	589.045.531	111.026.905	26.859.208.886
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	22.131.903.869	2.958.145.589	12.164.763.779	200.398.951	-	37.455.212.188
Tại ngày cuối năm	24.587.827.388	3.405.991.471	20.112.320.618	154.060.876	688.343.095	48.948.543.448

*Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.726.652.189 đồng.*

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	VND
			Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.742.410.677	373.128.109	3.115.538.786
Thanh lý, nhượng bán	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Số dư cuối kỳ	2.642.410.677	373.128.109	3.015.538.786
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	915.772.922	245.259.920	1.161.032.842
Khấu hao trong năm	126.224.356	52.950.564	179.174.920
Số dư cuối năm	1.041.997.278	298.210.484	1.340.207.762
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	1.826.637.755	127.868.189	1.954.505.944
Tại ngày cuối năm	1.600.413.399	74.917.625	1.675.331.024

*Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 228.612.509 đồng.*

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí xây dựng kho bãi	2.683.049.429	2.058.966.853
Chi phí tư vấn thiết kế xây dựng văn phòng	69.339.000	69.339.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	25.000.000	25.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.777.388.429</b>	<b>2.153.305.853</b>

**5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn	Số tiền	Tỷ lệ góp vốn
_ Công ty Cổ phần Vận Tải và Thương Mại - Vinalink	6.900.000.000	5,62%	6.900.000.000	5,62%
_ Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương - Vinafreight	2.625.000.000	3,13%	2.625.000.000	3,13%
<b>Cộng</b>	<b>9.525.000.000</b>		<b>9.525.000.000</b>	

**5.8. Tài sản dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ dài hạn theo thư bảo lãnh của Ngân hàng để thực hiện hợp đồng đại lý hàng hóa với tại Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam.

**5.9. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	130.856.192.723	127.659.524.550
Người mua trả tiền trước	10.037.427.715	548.880.343
<b>Tổng cộng</b>	<b>140.893.620.438</b>	<b>128.208.404.893</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

**5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	184.782.573	151.196.263
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.247.625.039	1.883.538.639
Thuế thu nhập cá nhân	1.082.074.259	773.710.332
Các loại thuế khác	1.785.194.606	1.370.165.441
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.299.676.477</b>	<b>4.178.610.675</b>

**5.11. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

**5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ tức phải trả	990.618.665	990.266.500
Nhận tiền cược cho thuê container lạnh	2.392.704.275	7.739.200.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	601.363.460	219.840.685
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.984.686.400</b>	<b>8.949.307.185</b>



### 5.13. Vốn chủ sở hữu

#### 5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Ngàn đồng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	54.720.000	1.029.300	(817.208)	8.021.870	500.000	4.000.000	32.425.512	99.879.474
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	27.040.610	27.040.610
Trích quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	-	878.424	-	1.000.000	(1.878.424)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.076.577)	(4.076.577)
Chia cổ tức 2012	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2013	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(543.543)	(543.543)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>54.720.000</b>	<b>1.029.300</b>	<b>(817.208)</b>	<b>8.900.294</b>	<b>500.000</b>	<b>5.000.000</b>	<b>42.134.378</b>	<b>111.466.764</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	28.484.147	28.484.147
Trích quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	-	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.424.602)	(4.424.602)
Chia cổ tức đợt 2/2013	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Chia cổ tức đợt 3/2013	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2014	-	-	-	-	-	-	(5.416.600)	(5.416.600)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(540.812)	(540.812)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(20.930)	(20.930)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>54.720.000</b>	<b>1.029.300</b>	<b>(817.208)</b>	<b>8.900.294</b>	<b>500.000</b>	<b>6.000.000</b>	<b>48.382.381</b>	<b>118.714.767</b>

### CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác)

#### 5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	10,96%	6.000.000.000	10,96%
Vốn góp của các đối tượng khác	48.720.000.000	89,04%	48.720.000.000	89,04%
<b>Tổng cộng</b>	<b>54.720.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>54.720.000.000</b>	<b>100%</b>

#### 5.13.3 Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
• Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.472.000	5.472.000
• Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.472.000	5.472.000
• Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	55.400	55.400
• Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.416.600	5.416.600
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

#### 5.13.4 Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	28.484.147.298	27.040.609.727
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	5.416.600	5.416.600
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	5.258	4.993

#### 5.13.5 Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	42.134.377.785	32.425.512.414
Lợi nhuận sau thuế trong năm	28.484.147.298	27.040.609.727
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(878.423.366)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.424.601.837)	(4.076.577.344)
Thù lao và thưởng HĐQT và Ban kiểm soát	(540.812.195)	(543.543.646)
Chia cổ tức 2013	(10.833.200.000)	(5.416.600.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1/2014	(5.416.600.000)	(5.416.600.000)
Giảm khác	(20.930.000)	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>48.382.381.051</b>	<b>42.134.377.785</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu phát sinh từ việc cung cấp dịch vụ của Tập đoàn.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	42.406.821.617	37.888.398.822
Chi phí công cụ dụng cụ	965.991.235	800.648.095
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.174.240.747	3.814.564.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	584.970.977.019	526.371.677.227
Chi phí bằng tiền khác	14.628.748.888	12.162.714.887
<b>Tổng cộng</b>	<b>648.146.779.506</b>	<b>581.038.003.626</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia từ Vinalink và Vinafreight	1.553.580.000	958.717.409
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.644.081.332	7.106.819.115
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.619.660.119	2.567.101.969
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	366.145.734	167.699.663
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.183.467.185</b>	<b>10.800.338.156</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng đầu tư tài chính	-	(681.973.460)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	944.576.719	1.269.488.595
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	486.219.448	567.650.882
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.430.796.167</b>	<b>1.155.166.017</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	9.320.893.582	8.721.419.396
Chi phí đồ dùng văn phòng	311.171.716	277.748.610
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.007.461.841	804.409.401
Thuế, phí và lệ phí	231.192.484	192.410.107
Chi phí dự phòng	(72.671.436)	486.711.437
Chi phí bằng tiền khác	13.025.910.417	7.675.616.053
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.823.958.604</b>	<b>18.158.315.004</b>

**6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND		
	Công ty mẹ	Hanotrans	Cộng
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	37.394.998.939	4.812.473.627	42.207.472.566
Cổ tức được chia	(4.941.885.013)	-	(4.941.885.013)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.081.287.676	175.736.394	1.257.024.070
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	33.534.401.602	4.988.210.021	38.522.611.623
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%	22%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	7.377.568.353	1.097.406.204	8.474.974.557
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	1.533.283.288	326.762.410	1.860.045.698
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>8.910.851.641</b>	<b>1.424.168.614</b>	<b>10.335.020.255</b>

*Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.*

**6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	51.727.715.199	46.609.818.218
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.277.162.951	1.078.396.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.181.702.588	4.618.973.996
Thuế, phí và lệ phí	231.192.484	192.410.107
Chi phí dự phòng	(72.671.436)	486.711.437
Chi phí dịch vụ mua ngoài	586.401.773.186	526.371.677.227
Chi phí khác bằng tiền	29.053.422.161	21.551.933.654
<b>Tổng cộng</b>	<b>674.800.297.133</b>	<b>600.909.921.344</b>

## 7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Hà Nội
- Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Hà Nội	Hải Phòng	Loại trừ	Ngàn đồng Tổng cộng
Từ khách hàng bên ngoài	551.761.921.290	150.856.960.195	-	702.618.881.485
Giữa các bộ phận	41.676.607.892	17.089.539.712	(58.766.147.604)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>593.438.529.182</b>	<b>167.946.499.907</b>	<b>(58.766.147.604)</b>	<b>702.618.881.485</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Kết quả của bộ phận	29.574.192.234	24.897.909.745	-	54.472.101.979
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	14.956.526.394	15.691.616.981	-	30.648.143.375
Doanh thu tài chính	6.380.135.776	3.803.331.409	-	10.183.467.185
Chi phí tài chính	542.774.411	888.021.756	-	1.430.796.167
Lợi nhuận khác	(911.433.916)	329.787.076	-	(581.646.840)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.168.943.239	4.166.077.016	-	10.335.020.255
Lợi nhuận sau thuế	13.713.510.604	14.770.636.694	-	28.484.147.298
Lợi nhuận thuần	13.713.510.604	14.770.636.694	-	28.484.147.298
<b>Các thông tin khác</b>				
Tài sản của bộ phận	183.360.949.093	131.221.821.130	(40.692.038.854)	273.890.731.369
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>				<b>273.890.731.369</b>
Nợ phải trả của bộ phận	64.646.182.282	131.221.821.130	(40.692.038.854)	155.175.964.558
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>				<b>155.175.964.558</b>
Chi phí mua sắm tài sản	(3.124.264.048)	(14.118.810.287)	-	(17.243.074.335)
Chi phí khấu hao	790.533.731	5.391.168.857	-	6.181.702.588

*Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất vì hoạt động của Tập đoàn chỉ là cung cấp dịch vụ logistics nên báo cáo kết quả kinh doanh đã trình bày doanh thu, chi phí và thu nhập của hoạt động, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.*

## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác)

### 8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Tập đoàn:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty TNHH Giao nhận Vận Tải Hà Thành
2. Ông Nguyễn Xuân Giang

Mối quan hệ

- Công ty con  
Tổng Giám đốc

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc của Công ty:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị của Công ty	312.000.000	498.249.984
Thu nhập Tổng Giám đốc của Công ty	1.020.000.000	1.230.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.332.000.000</b>	<b>1.728.249.984</b>

### 9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.15.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi số	
	31/12/2014	1/1/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.039.189.952	110.642.753.737
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.012.031.609	66.706.458.759
Đầu tư ngắn hạn	-	2.896.300.000
Đầu tư dài hạn khác	9.525.000.000	9.525.000.000
Tài sản tài chính khác	34.464.470.000	25.503.760.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>210.040.691.561</b>	<b>215.274.272.496</b>

**Công nợ tài chính**

Phải trả người bán và phải trả khác	134.840.879.123	136.608.831.735
Chi phí phải trả	714.328.877	2.349.696.718
<b>Tổng cộng</b>	<b>135.555.208.000</b>	<b>138.958.528.453</b>

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**• Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**• Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này. Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ tài chính		Tài sản tài chính	
	31/12/2014	1/1/2014	31/12/2014	1/1/2014
Đô la Mỹ (USD)	2.732.131,15	5.207.814,67	2.361.817,97	2.535.839,64
Yên Nhật (JPY)	-	-	33.000,00	33.000,00
Euro (EUR)	-	-	4.034,10	2.479,60
Đô la Singapore (SGD)	-	-	500,00	500,00

**Quản lý rủi ro về giá**

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**• Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**• Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
<b>31/12/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	134.840.879.123	-	134.840.879.123
Chi phí phải trả	714.328.877	-	714.328.877
<b>01/01/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	136.608.831.735	-	136.608.831.735
Chi phí phải trả	2.349.696.718	-	2.349.696.718

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác)

<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	86.012.031.609	-	86.012.031.609
Đầu tư dài hạn khác	-	9.525.000.000	9.525.000.000
Tài sản tài chính khác	30.594.470.000	3.870.000.000	34.464.470.000
<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.706.458.759	-	66.706.458.759
Đầu tư ngắn hạn	2.896.300.000	-	2.896.300.000
Đầu tư dài hạn khác	-	9.525.000.000	9.525.000.000
Tài sản tài chính khác	23.783.760.000	1.720.000.000	25.503.760.000

**10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 18 tháng 03 năm 2015.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**ĐỖ THỊ THU HUYỀN**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**ĐỖ THỊ THU HUYỀN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN XUÂN GIANG**

**VNT Logistics**

The best logistics solutions

**HEAD OFFICE**

**VNT Logistics BUILDING**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: (84-4)3 7321090 Fax: (84-4)3 7321083  
Email: info@vntlogistics.com  
Website: www.vntlogistics.com

**SEA EXPORT DEPT.**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: 043.7322543 Fax: 043.7322893  
Email: sea-export@vntlogistics.com

**SEA IMPORT DEPT.**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: 043.7323715 Fax: 043.7321084  
Email: seafreight@vntlogistics.com

**AIR EXPORT DEPT.**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: 043.7322784 Fax: 043.7322107  
Email: Airexport@vntlogistics.com

**AIR IMPORT DEPT.**

Tel.: 043.7322108 Fax: 043.7323064  
Email: Airimport@vntlogistics.com

**LOGISTICS DEPT.**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: 043.7322487 Fax: 043.7322474  
Email: warehousing@vntlogistics.com

**LOCAL NETWORK:**

**HAIPHONG BRANCH office**

Address : No 208 Chua Ve Str, Dong Hai 1 Ward,  
Hai An Dist, Hai Phong  
Tel.: 031 3765819 Fax: 031 3765821  
Email: mngt@vnthp.com.vn

**QUANG NINH BRANCH office**

Address : Số 1 Đường Cải Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh  
Tel.: 0313-765819 Fax: 0313-765821  
Email: vntquangninh@vntlogistics.com

**Ho chi minh BRANCH office**

Address : 145 Nguyen Tat Thanh Str., Dist. 4, Ho Chi Minh City  
Tel.: 84 8 9414240 Fax: 84 8 9409889  
Email: hnthcm@hanotrans.com.vn

**DANANG BRANCH office**

Address : 184 Tran Phu Str., Da Nang City  
Tel.: 84 511 3562304 Fax: 84 511 3821310  
Email: vantr@vinatransdn.com.vn

**QUY NHON BRANCH office**

Address : 8 Le Thanh Tong, Quy Nhon City  
Tel.: 84 56891787/8  
Email: vntquq@dng.vnn.vn

**HANOTRANS**

International Freight Forwarders

**HEAD OFFICE**

**VINATRANS HANOI BUILDING**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: (04) 3 7322543 Fax: (04) 3 7322893  
Email: info@hanotrans.com.vn  
Website: www.hanotrans.com.vn

**SEA EXPORT DEPT.**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: (04) 3 7322543 Fax: (04) 3 7322893  
Email: sea-export@hanotrans.com.vn

**SEA IMPORT DEPT.**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: (04) 3 7323715 Fax: (04) 3 7322107  
Email: seafreight@hanotrans.com.vn

**AIR EXPORT DEPT.**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: (04) 3 7322784 Fax: (04) 3 7322107  
Email: airexport@hanotrans.com.vn

**AIR IMPORT DEPT.**

Tel.: (04) 3 7322108 Fax: (04) 3 7323064  
Email: airimport@hanotrans.com.vn

**LOGISTICS DEPT.**

Address : No 02 Bich Cau Str, Dong Da Dist, Ha Noi, Viet nam  
Tel.: (04) 3 7322487 Fax: (04) 3 7322474  
Email: warehousing@hanotrans.com.vn

**LOCAL NETWORK :**

**HAIPHONG BRANCH office**

Address : No 208 Chua Ve Str, Dong Hai 1 Ward,  
Hai An Dist, Hai Phong  
Tel.: 031 3765819 Fax: 031 3765821  
Email: mngt@vnthp.com.vn

**QUANG NINH BRANCH office**

Address : Số 1 Đường Cải Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh  
Tel.: 0313-765819 Fax: 0313-765821  
Email: vntquangninh@vntlogistics.com

**Ho chi minh BRANCH office**

Address : 145 Nguyen Tat Thanh Str., Dist. 4, Ho Chi Minh City  
Tel.: (84-8) 9414240 Fax: (84-8) 9409889  
Email: hnthcm@hanotrans.com.vn

**DANANG BRANCH office**

Address : 184 Tran Phu Str., Da Nang City  
Tel.: (84-511) 3562304 Fax: (84-511) 3821310  
Email: vantr@vinatransdn.com.vn

**QUY NHON BRANCH office**

Address : 8 Le Thanh Tong, Quy Nhon City  
Tel.: (84-56) 891787/8  
Fax: (84-56) 892380  
Email: vntaua@dna.vnn.vn

**MEMBERSHIP**

